TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 608/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2022

V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Huế;

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 645/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1980 (có mặt).

Thường trú: Số 19A, đường 427, tổ 10, ấp 1, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Thường trú: Số 19A, đường 427, tổ 10, ấp 1, xã P, huyện C, Thành phố

Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn xin ly hôn ngày 06/5/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T trình bày sự việc như sau:

Bà (Võ Thị T) và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 01/10/1998. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng 06 năm trở lại đây, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều bất hòa, chồng bà nhậu say về là kiếm chuyện, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nhiều lần vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không thành, hiện vợ chồng bà sống cùng địa chỉ nhà nhưng là hai căn nhà liền kề nhau, sống ly thân đến nay được một năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu dứt khoát ly hôn với ông T1.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 31/3/2000 và Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 01/10/1997, các con đều đã thành niên.

Tài sản chung: Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà xác định không có nợ chung.

- Trong suốt quá trình goiải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 không có mặt, không rõ lý do nên không có lời khai của ông T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn trong vụ kiện ông Nguyễn Văn T1 hiện cư trú tại huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Điểm a

Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 645/TB-TA ngày 02/11/2021; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 kèm giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 kèm giấy triệu tập nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt mà không rõ lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị T về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T1, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01 ngày 01/10/1998, nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

Theo lời bà T trình bày thì sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng 06 năm trở lại đây, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều bất hòa, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chồng bà nhậu say về là kiếm chuyện, nhiều lần vợ chồng cố gắng hòa giải nhưng không thành, hiện vợ chồng bà sống cùng địa chỉ nhà nhưng là hai căn nhà liền kề nhau, sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai đến nay được một năm. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu dứt khoát ly hôn với ông T1.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, tạo dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông T1 có nhiều mâu thuẫn; tại phiên tòa hôm nay, ông T1 không có mặt mà không rõ lý do, điều này

thể hiện ông T1 không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông T1 không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu bà T là có cơ sở.

- *Về con chung*:

Bà T và ông T1 có 02 con chung tên là Nguyễn Tuấn T, sinh ngày 31/3/2000 và Nguyễn Thị Thanh L, sinh ngày 01/10/1997, các con của bà T và ông T1 đều đã thành niên nên không xét.

- *Tài sản chung*:

Bà T khai về tài sản chung sẽ do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nợ chung:*

Bà T khai bà và ông T1 không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Bà T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị T được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Giấy Chứng nhận kết hôn số 72, quyển số 01 ngày 01/10/1998 do Ủy ban nhân dân xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và ông T1 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung:

Bà T và ông T1 có 02 con chung tên là Nguyễn T1 Tú, sinh ngày 31/3/2000 và Nguyễn Thị T Loan, sinh ngày 01/10/1997, các con của bà T và ông T1 đều đã thành niên nên không xét.

- Về tài sản chung:

Bà T khai về tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nợ chung*:

Bà T khai giữa bà T và ông T1 không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc bà T phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0043232 ngày 02/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Nguyễn Văn T1) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Phước Vĩnh An, H. Củ Chi, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương